

Số: 597/QĐ - ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 27 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hệ thống chỉ số đánh giá năng lực thực hiện - KPIs
áp dụng tại Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh
năm học 2023 - 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ - TTg ngày 18/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2910/QĐ - BTC ngày 14/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Kế hoạch số 448/KH-ĐHTCQTKD ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ vào Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hệ thống chỉ số đánh giá năng lực thực hiện – KPIs áp dụng tại Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh, năm học 2023-2024.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị, cán bộ, giảng viên và người học trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH, CTHĐT;
- Website trường;



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Phụ lục
HỆ THỐNG CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THỰC HIỆN – KPIs
(Kèm theo Quyết định số 597/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

1. Mục đích xây dựng chỉ số năng lực thực hiện

- Đảm bảo các đơn vị, cán bộ, giảng viên, người lao động và sinh viên trong toàn Trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Các chỉ số đánh giá mang tính định lượng, có thể đo lường cụ thể, do đó nâng cao hiệu quả của việc đánh giá thực hiện công việc.
- Việc sử dụng các chỉ số KPIs góp phần làm cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, công bằng và hiệu quả.

2. Căn cứ xây dựng chỉ số năng lực thực hiện

- Căn cứ vào chiến lược phát triển Trường.
- Căn cứ vào chiến lược đảm bảo chất lượng của Trường.
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.
- Căn cứ vào hiện Nghị quyết số 39/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022 về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.
- Căn cứ vào Kế hoạch số 448/KH-ĐHTCQTKD ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, giai đoạn 2022-2026.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động của các năm học trước, cơ hội, thách thức của Nhà trường, năm học 2023-2024.

3. Các chỉ số năng lực thực hiện

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	KPIs	Ghi chú
I	Nhóm chỉ tiêu đội ngũ CBGV			
1	Số lượng CB GV	Người	250	
2	Tỷ lệ GV có trình độ sau đại học	%	100	
3	Tỷ lệ GV có trình độ TS	%	15	
4	Số sinh viên trên 1 giảng viên	Lần	16	
5	Tỷ lệ CBGV học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	%	30	
II	Nhóm chỉ tiêu đào tạo			
1	Tuyển sinh đạt chỉ tiêu theo đề án tuyển sinh	%	100	
2	Tỷ lệ tốt nghiệp cuối khóa (ĐHCQ) đúng hạn	%	85	
3	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Năm	4	
4	Tỷ lệ thôi học	%	2	
5	Tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp	%	90	
6	Tỷ lệ hài lòng của nhà tuyển dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp	%	85	

III	Nhóm chỉ tiêu nghiên cứu khoa học			
1	Đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh	Công trình	02	
2	Đề tài NCKH cấp trường của CBGV	Công trình	30	
3	Đề tài NCKH của SV	Công trình	15	
4	Tỷ lệ CBGV tham gia hoạt động NCKH	%	50	
5	Biên soạn giáo trình, tài liệu	Công trình	10	
6	Xuất bản tạp chí TCQTKD	Bài viết	45	
7	Các bài báo được đăng trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế	Bài viết	50	
8	Hợp tác trong nghiên cứu khoa học (số lượng bài, tài liệu học tập, đề tài)	Công trình	8	
9	Công bố quốc tế	Công trình	2	
IV	Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng			
2	Tỷ lệ CBGV tham gia đóng góp các hoạt động xã hội, từ thiện	%	100%	
3	Tỷ lệ sinh viên tham gia thiện nguyện	%	100%	
4	Số lượng hợp tác được ký kết với các cơ quan, doanh nghiệp	Đơn vị	4	
5	Số lượng sản phẩm NCKH đóng góp cho sự phát triển KT-XH của địa phương và cả nước	Công trình	10	
6	Hiến máu nhân đạo	Đơn vị máu	500	
7	Số lượng kinh phí hỗ trợ, ủng hộ cho cộng đồng	Tỷ	0,5	
8	Kết nạp đảng viên tăng	%	15	
9	Quỹ học bổng tài trợ cho sinh viên tăng	%	15	
10	Tăng quy mô đào tạo ngắn hạn cho nguồn nhân lực địa phương về tin học, tài chính kế toán,...	%	10	
V	Hoạt động đảm bảo chất lượng			
1	Rà soát, xây dựng, cải tiến các văn bản liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng	Văn bản	1	
2	Tỷ lệ đội ngũ tham gia công tác đảm bảo chất lượng tham gia các lớp học về kiểm định chất lượng	%	50	
3	Cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	Lượt	Có thực hiện	
4	Hoàn thành báo cáo TĐG CTĐT	Báo cáo	6	
VI	Tài chính, cơ sở vật chất			
1	Tổng thu sự nghiệp	Tỷ	40	
2	Kinh phí chi thường xuyên	Tỷ	45	
3	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, KTX	Tỷ	6	
4	Tăng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học	%	10	
	Tăng chi cho công tác NCKH	%	10	
6	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo được CBGV, SV sử dụng và đánh giá có hiệu quả tốt đạt	%	90	
7	Thư viện số được CBGV, SV sử dụng và đánh giá có hiệu quả tốt đạt	%	90	
8	Mở rộng liên kết với thư viện của các trường Đại học lớn ở Việt Nam	Đơn vị	3	